

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04/12/2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Nhạn

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Công Minh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 559/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc ***“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Võ Khánh B, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/8/2024, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Khánh B xây dựng hôn nhân năm 2013, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên được một thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại tình cảm vợ chồng cũng không còn, từ đó vợ

chồng đã ly thân với nhau từ tháng 5/2024 đến nay, từ lúc ly thân đến nay chị và anh B không có gặp nhau hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Nay chị xác định hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Khánh B.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Võ Khánh B có hai người con chung. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Võ Thiên T1, sinh ngày 16/4/2023, không yêu cầu anh B cấp dưỡng; giao cháu Võ Khánh N, sinh ngày 28/4/2014 cho anh B nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Khánh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh B vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai trình bày quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho chị T được ly hôn với anh B; giao cháu Võ Thiên T1, sinh ngày 16/4/2023 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Võ Khánh N, sinh ngày 28/4/2014 cho anh B nuôi dưỡng. về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ không đặt ra giải quyết. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Võ Khánh B, bị đơn có địa chỉ tại thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh B là phù hợp quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Võ Khánh B tự nguyện sống chung với nhau năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của chị T và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và

bảo vệ. Nguyên nhân ly hôn theo chị T trình bày là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại tình cảm vợ chồng cũng không còn, trong thời gian ly thân mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, các bên cũng không có biện pháp hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Mặc khác anh B đã được Tòa án triệu tập hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ anh B không có thiện chí đoàn tụ, từ đó cho thấy hôn nhân của chị T và anh B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của chị T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Võ Thiên T1, sinh ngày 16/4/2023; giao cháu Võ Khánh N, sinh ngày 28/4/2014 cho anh B nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho cha hay mẹ phải xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt để đảm bảo cho con chung có điều kiện sống tốt nhất, hơn nữa từ khi chị T và anh B sống ly thân với nhau thì chị T là người trực tiếp nuôi cháu T1, anh B là người trực tiếp nuôi cháu N. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung nên Hội đồng xét xử giao cháu Võ Thiên T1, sinh ngày 16/4/2023 cho chị T tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; giao cháu Võ Khánh N, sinh ngày 28/4/2014 cho anh B tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh B và chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Võ Khánh B.
2. Về con chung: Giao cháu Võ Thiên T1, sinh ngày 16/4/2023 cho chị T tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; giao cháu Võ Khánh N, sinh ngày 28/4/2014 cho anh B tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh B và chị T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Võ Khánh B và chị Lê Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải nộp 300.000đ, chị T đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009246 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án.
5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THADS thị xã Giá Rai;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Cung